

Số: 85/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990; thường trú: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: 240/43, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; thường trú: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: 240/43, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường H, Thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2014, ngày 24/3/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc T có 02 con chung tên Lê Bảo K, sinh ngày 07/4/2015 và Lê Hương L, sinh ngày 29/10/2018. Anh Đ và chị T thống nhất thỏa thuận về con chung sau khi ly hôn:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo K, anh Lê Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Hương L. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với tài sản chung và nợ chung anh Đ và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo K, sinh ngày 07/4/2015, anh Lê Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Hương L, sinh ngày 29/10/2018. Chị T và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn Đ Đại T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009559 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Hải Dương, TP Hải Phòng;
- Lưu: HSVDS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngân